

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DS-PT  
Ngày: 27/5/2024  
V/v: “Tranh chấp lấn chiếm  
quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Hoàng Thị Thanh Nhân

*Các thẩm phán:* Ông Trần Trung Thành và bà Từ Thị Hải Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên;

Trong các ngày 20 và 27 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLPT - DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp lấn chiếm quyền sử dụng đất”; do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2024/QĐ - PT, ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Phi N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 và ông Bùi Tiến H, sinh năm 1969; cùng cư trú tại: Thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Đào Văn T1 - Luật sư Công ty L – Chi nhánh Q thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Văn T2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo Bản án dân sự sơ thẩm và lời trình bày của các đương sự thì nội dung vụ án như sau:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Phi N trình bày: Gia đình bà N là chủ sử dụng thửa đất 364, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Thửa đất này được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CB 157183, số vào sổ CH01595 cho bà [Lê Thị Phi N](#) và ông [Phan Văn T2](#) vào ngày 17/8/2015 với diện tích 1100m<sup>2</sup>. Trong đó, chiều dài một cạnh là 40,4m, cạnh còn lại là 40,5m, chiều rộng một cạnh là 27,6m, cạnh còn lại là 29,0m. Tứ cận thửa đất: Hướng Đông giáp với thửa đất 351 và thửa đất số 376; Hướng Tây và [N1](#) tiếp giáp với đường giao thông nông thôn và [H1](#) Bắc giáp với thửa đất 334 của bà [Nguyễn Thị T](#) và ông [Bùi Tiến H](#). Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà [N](#) sử dụng để ở và sinh hoạt, buôn bán tạp hóa và trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đến năm 2022, vợ chồng bà [N](#) có nhu cầu tách thửa để cho, tặng con cái tuy nhiên sau khi nộp hồ sơ tại [Văn phòng đăng ký đất đai huyện B](#) thì nhận được kết quả trả lời diện tích đất nói trên của gia đình bà [N](#) đang sử dụng bị thiếu hụt so với diện tích đất được cấp, cụ thể gia đình bà [T](#), ông [H](#) đã xây dựng tường rào lấn chiếm sang một phần đất của gia đình bà [N](#). Kích thước, diện tích mà bà [T](#), ông [H](#) đã lấn theo kết quả đo đạc, bản vẽ tứ cận cụ thể như sau: Từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 0,61m; từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 3,51m; từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước 29,09m; từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước 3,65m; từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước 1,48m (diện tích 121,0m<sup>2</sup>). Sau khi phát hiện sự việc bà [N](#) đã nhiều lần liên hệ, thương lượng với gia đình bà [T](#), ông [H](#) đề yêu cầu trả lại diện tích đã lấn chiếm nhưng không được, sau đó bà [N](#) có gửi đơn lên [UBND xã M](#) để giải quyết tuy nhiên sau hai lần hòa giải, kết quả không thành nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu Tòa án buộc ông [Bùi Tiến H](#) và bà [Nguyễn Thị T](#) trả lại diện tích đất mà ông [H](#) và bà [T](#) đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc bản vẽ 121,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 364, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại [thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#). Đồng thời yêu cầu ông [H](#), bà [T](#) khai thác, tháo dỡ và di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất lấn chiếm 121,0m<sup>2</sup> bao gồm 01 đoạn tường rào cao khoảng 2m, dài khoảng 21,4m; 07 bụi chuối, 01 cây dừa xiêm lùn, 03 cây xoài và 02 cây mít.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà [Nguyễn Thị T](#) và ông [Bùi Tiến H](#) trình bày:*

Bà [T](#) và ông [H](#) là chủ sử dụng thửa đất số 334, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại [thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#), giáp với thửa đất số 364, tờ bản đồ số 14 của bà [Lê Thị Phi N](#) và ông [Phan Văn T2](#). Thửa đất số 334, tờ bản đồ số 14 có nguồn gốc vợ chồng bà [T](#) và ông [H](#) làm đơn xin đất nhà ở vào ngày 12/3/1995 và được [UBND xã M](#) đồng ý, sau khi được UBND xã đồng ý, gia đình bà [T](#) và ông [H](#) về sinh sống trên phần đất này, khi gia đình bà [T](#) và ông [H](#) về ở thì đã thấy gia đình bà [N](#), ông [T2](#) ở trước, ranh giới phần đất giữa hai gia đình có bờ đất, được một thời gian sau đó hai gia đình có làm hàng rào bằng cây, trồng cây để làm ranh giới, ngoài ra theo bà [T](#) và ông [H](#) thì hai thửa đất có một cây cột điện làm chuẩn. Trước đó, bà [T](#) và ông [H](#) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm bao nhiêu thì không nhớ, đến năm 2013 [UBND huyện B](#) có thu hồi sổ đỏ và ngày 26/4/2013 cấp lại sổ hồng này cho ông [Bùi Tiến H](#) và bà [Nguyễn Thị T](#) với diện tích 1.334,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất 334, tờ bản đồ số 14,

số BM 065400, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01400. Năm 2014, bà T và ông H xây hàng rào có gọi gia đình bà N ra để thống nhất mốc giới, sau khi hai bên thống nhất được ranh giới giữa hai gia đình thì bà T và ông H tiến hành xây hàng rào, khi xây xong gia đình bà N còn mua bia về để cho thợ uống. Còn một khúc thì gia đình bà N tự mua lưới B40 để rào lại. Trong quá trình sinh sống, giữa bà T, ông H và gia đình bà N không có tranh chấp, lúc làm hàng rào bằng cây cho đến khi làm hàng rào bằng xây gạch thì gia đình bà N đồng ý, không tranh chấp. Nay bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Tiến H và bà Nguyễn Thị T trả lại diện tích đất mà ông H và bà T đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc, bản vẽ 121,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 364, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Yêu cầu ông H, bà T di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 121,0m<sup>2</sup> bao gồm 01 đoạn tường rào cao khoảng 2m, dài khoảng 21,4m; 07 bụi chuối, 01 cây dừa xiêm lùn, 03 cây xoài và 02 cây mít. Bà T và ông H không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T2 trình bày: Ông T2 thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà N, không bổ sung ý kiến gì thêm.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Các Điều 158, 164, 166, 175, 176, 189 và 190 Bộ luật dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:*

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phi N về việc buộc ông Bùi Tiến H và bà Nguyễn Thị T khai thác, tháo dỡ và di dời cây cối, công trình xây dựng trên đất tranh chấp để trả lại diện tích đất mà ông H và bà T đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc bản vẽ là 121,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 364, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bà Lê Thị Phi N và ông Phan Văn T2 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 121,0m<sup>2</sup>, có kích thước tứ cận cụ thể như sau: Từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 0,61m; từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 3,51m; từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước 29,09m; từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước 3,65m; từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước 1,48m.

[2] Buộc ông Bùi Tiến H và bà Nguyễn Thị T khai thác, tháo dỡ và di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp 121,0m<sup>2</sup>, cụ thể:

[2.1] Tháo dỡ và di dời: 01 đoạn tường rào xây tô cao 2m, dài 21,4m;

[2.2] Khai thác và di dời: 07 bụi chuối, mỗi bụi từ 03 đến 04 cây, 01 cây dừa xiêm lùn, 03 cây xoài và 02 cây mít.

[3] Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản: Buộc ông [Bùi Tiến H](#) và bà [Nguyễn Thị T](#) phải nộp số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu, ba trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà [Lê Thị Phi N](#).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 23/01/2024, ông [Bùi Tiến H](#) gửi đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp không hủy, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà [Lê Thị Phi N](#).

Tại phiên tòa, Bị đơn có kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm.

\* *Ý kiến của Luật sư:* Việc thu thập chứng cứ để chứng minh phân đất tranh chấp không tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Do đó, nội dung kháng cáo của ông [Bùi Tiến H](#) là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông [H](#), hủy Bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch để xét xử lại.

\* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của Bị đơn trong hạn luật định, nên cần chấp nhận để xét xử phúc thẩm. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Về nội dung: đề nghị sửa bản án sơ thẩm, buộc ông [Bùi Tiến H](#) và bà [Nguyễn Thị T](#) trả lại cho bà [Lê Thị Phi N](#) và ông [Phan Văn T2](#) toàn bộ đất bị lấn chiếm và buộc tháo dỡ hàng rào. Bà [Lê Thị Phi N](#) trả tiền cây trên đất và  $\frac{1}{2}$  giá trị tường rào cho bị đơn. Công nhận thỏa thuận: giá đất đổ trên phần tranh chấp là 10.000.000đ và nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông [Bùi Tiến H](#) trong hạn luật định, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để xem xét các nội dung kháng cáo. Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt, Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông [Bùi Tiến H](#) yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch; trường hợp không hủy, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không

chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quyền sử dụng đất của các đương sự đang sử dụng được cấp đúng quy định của pháp luật, đúng diện tích kê khai tại hồ sơ địa chính, phù hợp với kết quả đo vẽ địa chính làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình quản lý sử dụng các đương sự không có ý kiến hay khiếu nại đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông [H](#), bà [T](#) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2001 và cấp đổi năm 2013; ông [T2](#), bà [N](#) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2002 và cấp đổi năm 2015). Theo ông [H](#), bà [T](#) trình bày quá trình quản lý, sử dụng và tạo lập tài sản trên đất có hàng rào và một số cây trồng không thấy ai có ý kiến hay tranh chấp gì để khẳng định diện tích đất đã xác định ranh giới xây hàng rào và có cây trồng trên đất là của ông [H](#), bà [T](#), tuy nhiên việc không ai có ý kiến việc xây tường rào và trồng cây của ông, bà không có nghĩa là ông, bà được quyền sử dụng diện tích đất này.

Đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và diện tích đất được cấp cho bà [T](#), ông [H](#) có thể thấy sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà [T](#), ông [H](#) sử dụng đất không đúng hiện trạng theo giấy chứng nhận được cấp, các bên cũng không biết ranh giới cụ thể tới đâu nên xảy ra tình trạng sử dụng không đúng diện tích đất được cấp. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho các bên; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ; hồ sơ địa chính và bản vẽ do chính các đương sự chỉ ranh giới và diện tích các đương sự được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định phần đất tranh chấp có diện tích 121,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 364, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại [thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#) và thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà [Lê Thị Phi N](#) và ông [Phan Văn T2](#). Do đó, bà [N](#) khởi kiện yêu cầu ông [Bùi Tiên H](#) và bà [Nguyễn Thị T](#) trả lại diện tích đất 121,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 364, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại [thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#) là có căn cứ, cần chấp nhận.

Việc xây hàng rào của bị đơn, có thể bằng cảm quan không thể tự xác định được mốc giới nhưng nguyên đơn có biết và có sự đồng tình thể hiện qua việc mua bia cho thợ uống và tiếp tục làm hàng rào B40 nối dài tiếp sau. Do đó để diễn ra việc xây hàng rào cũng có phần lỗi của nguyên đơn nên cũng phải chịu trách nhiệm  $\frac{1}{2}$  để hỗ trợ về giá trị hàng rào khi buộc tháo dỡ, cụ thể: **16.799.000 đồng**. Đối với cây trên diện tích đất tranh chấp cần buộc trả lại cho bị đơn giá trị bằng tiền toàn bộ cây của bị đơn nằm trên diện tích đất 121,0m<sup>2</sup> bao gồm: 07 bụi chuối (gồm 20 cây) giá: 25.300 đồng/cây x 20 cây = **506.000 đồng**, 01 cây dừa xiêm lùn giá: **138.600 đồng**, 03 cây xoài giá: 158.400 đồng/cây x 3 = **475.200 đồng** và 02 cây mít giá: 10.600 đồng x 2 = **21.200 đồng**. Tổng cộng: **17.940.000 đồng**. Riêng phần hàng rào lưới B40 cao 1,8m; dài 8,4m các bên thừa nhận do bà [N](#), ông [T2](#) làm và nằm trên diện tích đất 121,0m<sup>2</sup> nói trên thuộc quyền sở hữu của bà [N](#), ông [T2](#).

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên thừa nhận quá trình sử dụng đất thì phía bị đơn có cải tạo và đổ đất vào diện tích đất tranh chấp (trước đây là hồ rau muống). Nguyên đơn đồng ý hỗ trợ số tiền 10.000.000 đồng cho bị đơn nên cần ghi nhận nội dung này.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.300.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của Bị đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông [Bùi Tiến H](#), sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình.

- Áp dụng các Điều 158, 164, 166, 175, 176, 189, 190 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 166, 170, 202 và 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông [Bùi Tiến H](#) và bà [Nguyễn Thị T](#) trả lại cho bà [Lê Thị Phi N](#) và ông [Phan Văn T2](#) toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm theo kết quả đo đạc bản vẽ là 121,0m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 364, tờ bản đồ số 14 đất tọa lạc tại [thôn G, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#).

Bà [Lê Thị Phi N](#) và ông [Phan Văn T2](#) được quyền quản lý, sử dụng diện tích 121,0m<sup>2</sup>, có kích thước tứ cận cụ thể như sau: Từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước 0,61m; từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước 3,51m; từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước 29,09m; từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước 3,65m; từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước 1,48m.

*(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)*

2. Buộc ông [Bùi Tiến H](#) và bà [Nguyễn Thị T](#) tháo dỡ hàng rào cao 2m, dài 21,4m để trả lại diện tích đất lấn chiếm. Đồng thời buộc bà [Lê Thị Phi N](#) và ông [Phan Văn T2](#) trả lại cho ông [Bùi Tiến H](#) và bà Nguyễn Thị Thanh  $\frac{1}{2}$  giá trị bằng tiền đoạn tường rào là: **16.799.000 đồng**;

3. Buộc bà [Lê Thị Phi N](#) và ông [Phan Văn T2](#) trả lại cho ông [Bùi Tiến H](#) và bà [Nguyễn Thị T](#) giá trị bằng tiền toàn bộ cây nằm trên diện tích đất 121,0m<sup>2</sup>,

bao gồm: 07 bụi chuối (gồm 20 cây) giá: 25.300 đồng/cây x 20 cây = 506.000 đồng, 01 cây dừa xiêm lùn giá: 138.600 đồng, 03 cây xoài giá: 158.400 đồng/cây x 3 = 475.200 đồng và 02 cây mít giá: 10.600 đồng x 2 = 21.200 đồng. Tổng cộng: **1.141.000 đồng**.

4. Ghi nhận sự hỗ trợ của bà Lê Thị Phi N và ông Phan Văn T2 cho ông Bùi Tiến H và bà Nguyễn Thị T số tiền đổ đất vào diện tích tranh chấp: **10.000.000 đồng**.

Tổng số tiền bà Lê Thị Phi N và ông Phan Văn T2 phải trả cho ông Bùi Tiến H và bà Nguyễn Thị T là: **27.940.000 đồng**.

*Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án để trả cho bên được thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Về chi phí thẩm định, định giá: Buộc ông Bùi Tiến H và bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả cho bà Lê Thị Phi N số tiền 3.300.000 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Tiến H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Bùi Tiến H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002537/BLTU/23 ngày 30/1/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bà Lê Thị Phi N và ông Phan Văn T2 phải chịu 897.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

5. Các quyết định khác của bản án cấp sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/5/2024).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- TAND huyện Bồ Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Hoàng Thị Thanh Nhàn**